TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG PHÚ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/ST-HNGĐ
Ngày: 11/6/2020
Về tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Lê Văn Trung**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Lê Quang Thìn**
Ông Nguyễn Viết Xứng

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài Thương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Bùi Anh Tuấn -** Kiểm sát viên

Ngày 11/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2020/TLST- HNGĐ ngày 10/01/2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST - HNGĐ ngày 27/4/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Lê Thị T,** sinh năm 1979 (có mặt)

* Bị đơn: A**nh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thuận Thành 1, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:***

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th không chí thú làm ăn, thường xuyên rượu chè về nhà kiếm cớ chửi mắng chị T. Đến năm 2017 do không thể tiếp tục chung sống với anh Thuận được nữa nên chị T đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng nên chị Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th.

Về con chung: quá trình chung sống giữa chị T và anh Th có một người con chung là cháu Đỗ Hoài A, sinh năm 2009. Khi ly hôn, chị Lê Thị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung: chị Lê Thị T không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th trình bày:***

Anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xác định trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án và các đương sự về cơ bản tuân thủ đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng; về nội dung vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th và giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện với nhau từ năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, thời gian sống ly thân kéo dài, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th.

Anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia các phiên hòa giải, hóa giải mâu thuẫn tạo điều kiện vợ chồng trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ gia đình. Xét cần áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th là phù hợp.

2. Con chung: Khi ly hôn chị Lê Thị T yêu cầu được nuôi cháu Đỗ Hoài A do anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th không quan tâm chăm sóc con. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th không đến Tòa án để đưa ra yêu cầu về giải quyết con chung. Chị Lê Thị T có công việc thu nhập ổn định, có khả năng chăm sóc giáo giục nuôi dưỡng con; Nhằm tạo diều kiện cho cháu Đỗ Hoài A được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, trưởng thành phát triển đầy đủ về mặt thể chất lẫn tinh thần nên xét cần giao cháu Đỗ Hoài A cho chị Lê Thị T tiếp tục chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp.

Tài sản chung và các khoản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải nộp số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th.

2. Con chung: Giao cháu Đỗ Hoài A cho chị Lê Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đỗ Hoài A trưởng thành.

Trong thời gian nuôi con, chị Lê Thị T phải tạo điều kiện cho anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th qua lại thăm nom, chăm sóc con theo quy định pháp luật.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Tài sản chung và các khoản nợ chung: không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011387 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Nguyễn Vĩnh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *CC.THADS huyện Đồng Phú;*
- *UBND xã Thuận Lợi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa